

	QUY ĐỊNH VỀ VIỆC SỬ DỤNG DẤU CHỨNG NHẬN VÀ TUYÊN BỐ VỀ CHỨNG NHẬN CỦA TUV NORD VIỆT NAM RULES FOR USE OF THE CERTIFICATION MARK AND STATEMENT ON CERTIFICATION MARK OF TUV NORD VIETNAM	Doc. No.: TNV-A00MU01
		REV: 12
		Page 1 of 8

LỊCH SỬ SỬA ĐỔI/ CHANGE HISTORY		
REV	Ngày có hiệu lực Effective Date	Lý do / Nội dung thay đổi Reason / Nature of Changes
08	08/12/2023	Revise
09	09/07/2024	Cập nhật quy định của FSMS <i>Update of FSMS regulations</i>
10	10/10/2025	Cập nhật quy định của ISMS <i>Update of ISMS regulations</i>
11	11/10/2025	Cập nhật logo của BoA <i>Update of BoA logo</i>
12	30/09/2026	Cập nhật logo của BOA cho tiêu chuẩn ISO/IEC 27001 <i>Update of BoA logo for ISO/IEC 27001 standard</i> Bổ sung Mục đích, Phạm vi áp dụng, Thuật ngữ và định nghĩa, Nguyên tắc chung, Hồ sơ và lưu trữ và Tài liệu liên quan; tham chiếu ISO/IEC 17021-1, ISO 22003-1, ISO 50003, ISO/IEC 27006 và TNV-A00MU02. <i>Add Purpose, Scope of application, Terms and definitions, General principles, Records and archiving, and Related documents; reference ISO/IEC 17021-1, ISO 22003-1, ISO 50003, ISO/IEC 27006, and TNV-A00MU02.</i>

REV.	SOẠN THẢO PREPARED	XEM XÉT REVIEWED	PHÊ DUYỆT APPROVED
12	 Digitally signed by Mai Hong Que Date: 2026.09.28 10:28:35 +07'00' Điều phối sau chứng nhận <i>Post audit</i> MAI HỒNG QUẾ 28/09/2026	  Digitally signed by Doan Minh Quang Date: 2026.09.29 17:47:35 +07'00' Giám đốc chất lượng <i>Quality Manager</i> ĐOÀN MINH QUANG 30/09/2026	 Le Sy Trung Digitally signed by Le Sy Trung Date: 2026.09.30 18:35:51 +07'00' Tổng giám đốc <i>General Manager</i> LÊ SY TRUNG 30/09/2026

	QUY ĐỊNH VỀ VIỆC SỬ DỤNG DẤU CHỨNG NHẬN VÀ TUYÊN BỐ VỀ CHỨNG NHẬN CỦA TUV NORD VIỆT NAM RULES FOR USE OF THE CERTIFICATION MARK AND STATEMENT ON CERTIFICATION MARK OF TUV NORD VIETNAM	Doc. No.: TNV-A00MU01
		REV: 12
		Page 2 of 8

1. MỤC ĐÍCH PURPOSE

Quy định các yêu cầu đối với việc sử dụng dấu chứng nhận, tuyên bố chứng nhận và giấy chứng nhận của TUV NORD Việt Nam nhằm bảo đảm dấu và tuyên bố được sử dụng đúng mục đích, đúng phạm vi chứng nhận, không gây hiểu nhầm về đối tượng được chứng nhận và phù hợp với các yêu cầu áp dụng.

To establish requirements for the use of the TUV NORD Vietnam certification mark, statements on certification and certification document ensuring that the mark and statements are used for their intended purpose, within the certified scope, without misleading implications regarding the certified object, and in accordance with applicable requirements.

2. PHẠM VI ÁP DỤNG SCOPE

- Quy định này áp dụng cho việc sử dụng dấu chứng nhận và tuyên bố về chứng nhận của TUV NORD Việt Nam đối với các tổ chức được chứng nhận hệ thống quản lý. Việc kiểm soát được thực hiện phù hợp với các yêu cầu áp dụng của ISO/IEC 17021-1 và các tiêu chuẩn chuyên ngành liên quan, bao gồm ISO 22003-1 đối với hệ thống quản lý an toàn thực phẩm, ISO 50003 đối với hệ thống quản lý năng lượng và ISO/IEC 27006 đối với hệ thống quản lý an toàn thông tin.

This document applies to the use of the TUV NORD Vietnam certification mark and statements on certification by organizations certified for management systems. Control shall be implemented in accordance with the applicable requirements of ISO/IEC 17021-1 and relevant sector-specific standards, including ISO 22003-1 for food safety management systems, ISO 50003 for energy management systems, and ISO/IEC 27006 for information security management systems.

- Quy định này áp dụng cho việc sử dụng dấu trong tài liệu, quảng cáo, website, phương tiện truyền thông, bao bì hoặc tài liệu kèm theo sản phẩm khi các hình thức sử dụng đó được phép.

This document applies to the use of the mark in documents, advertising, websites, communication media, packaging or accompanying documents where such use is permitted.

- Quy định này chỉ áp dụng đối với các dịch vụ chứng nhận do TUV NORD Việt Nam trực tiếp quản lý và thuộc phạm vi công nhận của Cơ quan Công nhận Việt Nam (BoA). Quy định này không thay thế hoặc sửa đổi bất kỳ điều kiện, quy định hoặc hướng dẫn chính thức nào của TÜV NORD CERT GmbH đối với các dịch vụ/chương trình chứng nhận do TÜV NORD CERT GmbH, công ty mẹ của TUV NORD Việt Nam tại Đức, trực tiếp quản lý và thuộc phạm vi công nhận của cơ quan công nhận Đức (DAkkS).

This document applies only to certification services directly managed by TUV NORD Vietnam and covered by the accreditation scope of the Bureau of Accreditation (BoA), Vietnam. It does not replace or amend any official conditions, rules or guidelines issued by TÜV NORD CERT GmbH for certification services/schemes directly managed by TÜV NORD CERT GmbH, the parent company of TUV NORD Vietnam in Germany, and covered by the accreditation scope of the German Accreditation Body (DAkkS).

- Đối với các dịch vụ/chương trình chứng nhận do TÜV NORD CERT GmbH trực tiếp quản lý hoặc ban hành tài liệu chứng nhận, việc sử dụng dấu, tuyên bố về chứng nhận và các tài liệu chứng nhận phải tuân thủ các yêu cầu và tài liệu áp dụng của TÜV NORD CERT GmbH. Các tài liệu liên quan được công bố tại trang "Downloads TÜV NORD CERT" của TÜV NORD: <https://www.tuev-nord.de/en/downloads-tuev-nord-cert/>

For certification services/schemes directly managed by TÜV NORD CERT GmbH, or where the certification documents are issued under the responsibility of TÜV NORD CERT GmbH, the use of marks, statements on certification and certification documents shall comply with the applicable requirements and documents of TÜV NORD CERT GmbH. The relevant documents are published on the TÜV NORD "Downloads TÜV NORD CERT" page: <https://www.tuev-nord.de/en/downloads-tuev-nord-cert/>

	QUY ĐỊNH VỀ VIỆC SỬ DỤNG DẤU CHỨNG NHẬN VÀ TUYÊN BỐ VỀ CHỨNG NHẬN CỦA TUV NORD VIỆT NAM RULES FOR USE OF THE CERTIFICATION MARK AND STATEMENT ON CERTIFICATION MARK OF TUV NORD VIETNAM	Doc. No.: TNV-A00MU01
		REV: 12
		Page 3 of 8

3. THUẬT NGỮ VÀ ĐỊNH NGHĨA TERMS AND DEFINITIONS

Thuật ngữ / Term	Định nghĩa / Definition
Dấu chứng nhận <i>Certification mark</i>	Dấu do TUV NORD Việt Nam quy định và cung cấp/cho phép sử dụng để nhận biết tổ chức có hệ thống quản lý đã được chứng nhận. <i>Certification mark: a mark specified and provided/authorized by TUV NORD Vietnam to identify an organization whose management system has been certified.</i>
Tài liệu chứng nhận <i>Certification document</i>	Tài liệu do TUV NORD Việt Nam cấp cho khách hàng được chứng nhận để xác nhận rằng chứng nhận đã được cấp cho hệ thống quản lý của khách hàng. Theo hệ thống của TUV NORD Việt Nam, tài liệu chứng nhận này được thể hiện dưới dạng Giấy chứng nhận (Certificate). <i>A document issued by TUV NORD Vietnam to the certified client indicating that certification has been granted for the client's management system. Within TUV NORD Vietnam's system, the certification document is issued in the form of a Certificate.</i>
Tổ chức được chứng nhận <i>Certified organization</i>	Tổ chức có giấy chứng nhận hệ thống quản lý còn hiệu lực do TUV NORD Việt Nam cấp. <i>An organization holding a valid management system certificate issued by TUV NORD Vietnam.</i>
Tuyên bố về chứng nhận <i>Statement on certification</i>	Nội dung bằng lời hoặc bằng văn bản viện dẫn việc tổ chức có hệ thống quản lý được chứng nhận; tuyên bố không được hàm ý rằng sản phẩm, quá trình hoặc dịch vụ được chứng nhận nếu chứng nhận chỉ áp dụng cho hệ thống quản lý. Tuyên bố này được mô tả trên giấy chứng nhận <i>Wording or written information referring to the organization's certified management system; the statement shall not imply that a product, process or service is certified where the certification applies only to the management system. This statement is described in the certificate</i>
Dấu công nhận <i>Accreditation mark</i>	Dấu của tổ chức công nhận được sử dụng theo các điều kiện, phạm vi và quy định của tổ chức công nhận có liên quan. <i>A mark of an accreditation body used subject to the conditions, scope and rules of the relevant accreditation body.</i>
Phạm vi chứng nhận <i>Certification scope</i>	Các địa điểm, hoạt động, sản phẩm/dịch vụ và tiêu chuẩn hệ thống quản lý được xác định trong giấy chứng nhận và các tài liệu chứng nhận liên quan. <i>The sites, activities, products/services and management system standard(s) specified in the certificate and related certification documents.</i>

	QUY ĐỊNH VỀ VIỆC SỬ DỤNG DẤU CHỨNG NHẬN VÀ TUYÊN BỐ VỀ CHỨNG NHẬN CỦA TUV NORD VIỆT NAM RULES FOR USE OF THE CERTIFICATION MARK AND STATEMENT ON CERTIFICATION MARK OF TUV NORD VIETNAM	Doc. No.: TNV-A00MU01
		REV: 12
		Page 4 of 8

4. NGUYÊN TẮC CHUNG GENERAL PRINCIPLES

- Dấu chứng nhận chỉ được sử dụng khi giấy chứng nhận còn hiệu lực và trong phạm vi chứng nhận.
The certification mark shall only be used while the certificate is valid and within the certification scope.
- Dấu chứng nhận phải được sử dụng đúng mẫu và theo hướng dẫn/điều kiện do TUV NORD Việt Nam quy định.
The certification mark shall be used in the approved form and in accordance with the requirements and conditions specified by TUV NORD Vietnam.
- Tổ chức được chứng nhận không được sử dụng dấu chứng nhận này với hàm ý gây nhầm lẫn hoặc sai lệch rằng tổ chức được cấp chứng nhận cho sản phẩm.
Certified organization are not allowed using certification mark in the way which could lead to misunderstanding that this is certification for product.
- Không được sử dụng dấu chứng nhận theo cách làm ảnh hưởng đến uy tín của TUV NORD Việt Nam hoặc làm mất niềm tin của công chúng đối với hoạt động chứng nhận.
The certification mark shall not be used in a manner that could damage the reputation of TUV NORD Vietnam or undermine public confidence in certification.
- Khi chứng nhận bị đình chỉ, thu hẹp, chấm dứt hoặc thu hồi, tổ chức được chứng nhận phải dừng việc sử dụng dấu và các tuyên bố liên quan trong phạm vi bị ảnh hưởng theo yêu cầu của TUV NORD Việt Nam.
When certification is suspended, reduced, terminated or withdrawn, the certified organization shall cease use of the mark and related statements within the affected scope as required by TUV NORD Vietnam.

5. QUY ĐỊNH VỀ DẤU CHỨNG NHẬN VÀ VIỆC SỬ DỤNG DẤU: RULES FOR THE CERTIFICATION MARK AND USE OF THE MARK:

5.1. MẪU DẤU CHỨNG NHẬN CỦA TUV NORD VIỆT NAM CERTIFICATION MARK FORMATS OF TUV NORD VIETNAM

Dấu chứng nhận của TUV NORD Việt Nam bao gồm hai phần: Biểu tượng chứng nhận & Số chứng chỉ:
TUV NORD Vietnam certification mark including two parts: Logo and Certificate number:

**DẤU CHỨNG NHẬN
HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
CERTIFICATION MARK
QUALITY MANAGEMENT SYSTEM**



Số chứng chỉ/ *Certificate No.:*
TNV16x4yyzzzz

**DẤU CHỨNG NHẬN
HỆ THỐNG QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG
CERTIFICATION MARK
ENVIRONMENTAL MANAGEMENT SYSTEM**



Số chứng chỉ/ *Certificate No.:*
TNV19x4yyzzzz

	QUY ĐỊNH VỀ VIỆC SỬ DỤNG DẤU CHỨNG NHẬN VÀ TUYÊN BỐ VỀ CHỨNG NHẬN CỦA TUV NORD VIỆT NAM RULES FOR USE OF THE CERTIFICATION MARK AND STATEMENT ON CERTIFICATION MARK OF TUV NORD VIETNAM	Doc. No.: TNV-A00MU01
		REV: 12
		Page 5 of 8

DẤU CHỨNG NHẬN TIÊU CHUẨN HACCP
CERTIFICATION MARK HACCP STANDARD



Số chứng chỉ/ *Certificate No.:*
TNV17x4yyzzzz

**DẤU CHỨNG NHẬN
HỆ THỐNG QUẢN LÝ AN TOÀN THỰC PHẨM**
**CERTIFICATION MARK FOOD SAFETY
MANAGEMENT SYSTEM**



Số chứng chỉ/ *Certificate No.:*
TNV18x4yyzzzz

**DẤU CHỨNG NHẬN
HỆ THỐNG QUẢN LÝ NĂNG LƯỢNG**
**CERTIFICATION MARK
ENERGY MANAGEMENT SYSTEM**



Số chứng chỉ/ *Certificate No.:*
TNV21x4yyzzzz

**DẤU CHỨNG NHẬN
HỆ THỐNG QUẢN LÝ ISMS**
**CERTIFICATION MARK
INFORMATION SECURITY MANAGEMENT
SYSTEM (ISMS)**



Số chứng chỉ/ *Certificate No.:*
TNV50x4yyzzzz

5.2. MẪU DẤU CHỨNG NHẬN KẾT HỢP DẤU CÔNG NHẬN
CERTIFICATION MARK IN COMBINATION WITH ACCREDITATION MARK

Dấu công nhận được sử dụng kết hợp với dấu chứng nhận của TUV NORD Việt Nam được mô tả cụ thể như sau (không áp dụng cho tiêu chuẩn IATF)

Accreditation marks must be used together with certification mark of TUV NORD Vietnam (except accreditation mark of IATF) as below

	QUY ĐỊNH VỀ VIỆC SỬ DỤNG DẤU CHỨNG NHẬN VÀ TUYÊN BỐ VỀ CHỨNG NHẬN CỦA TUV NORD VIỆT NAM RULES FOR USE OF THE CERTIFICATION MARK AND STATEMENT ON CERTIFICATION MARK OF TUV NORD VIETNAM	Doc. No.: TNV-A00MU01
		REV: 12
		Page 6 of 8



TNV16x4yyzzzz



VICAS 016 - QMS



TNV19x4yyzzzz



VICAS 016 - EMS



TNV17x4yyzzzz



VICAS 016 - FSMS



TNV18x4yyzzzz



VICAS 016 - FSMS



TNV21x4yyzzzz



VICAS 016 - EnMS



TNV50x4yyzzzz



VICAS 016 - ISMS

6. QUY ĐỊNH VỀ VIỆC SỬ DỤNG DẤU CHỨNG NHẬN VÀ TUYÊN BỐ VỀ CHỨNG NHẬN CỦA TUV NORD VIỆT NAM TRONG HOẠT ĐỘNG QUẢNG CÁO **RULES FOR USE OF CERTIFICATION MARK IN ADVERTISING AND PUBLICITY**

- Nghiêm cấm sử dụng dấu chứng nhận trên bản thân sản phẩm hoặc mỗi sản phẩm được đóng gói đóng thùng riêng biệt.
Not allowed using on product itself or in an individual package.
- Nghiêm cấm sử dụng dấu chứng nhận trên các bao, gói sản phẩm.
Not allowed using on over-packaging.
- Dấu chứng nhận được phép sử dụng trong các tài liệu, được dùng cho hoạt động quảng cáo
Allowed using in pamphlets, etc. for advertisement

	QUY ĐỊNH VỀ VIỆC SỬ DỤNG DẤU CHỨNG NHẬN VÀ TUYÊN BỐ VỀ CHỨNG NHẬN CỦA TUV NORD VIỆT NAM RULES FOR USE OF THE CERTIFICATION MARK AND STATEMENT ON CERTIFICATION MARK OF TUV NORD VIETNAM	Doc. No.: TNV-A00MU01
		REV: 12
		Page 7 of 8

- d. Sử dụng dấu chứng nhận (kèm theo hoặc không kèm theo chú thích) là việc sử dụng các dấu có định dạng cụ thể bao gồm một vài thông tin mô tả cơ bản về ứng dụng của dấu này. Trường hợp nếu chỉ sử dụng chú thích bằng lời thì không được coi là dấu chứng nhận. Các chú thích bằng lời phải trung thực và không gây ra sự hiểu nhầm.

Use of Mark (with or without statement) applies to marks that have a specific form including some basic description of its applicability. A statement in words alone does not constitute a mark in this sense. Any such wording should be true and not mislead.

- e. Khi sử dụng dấu chứng nhận kèm theo chú thích, điều này có thể được xem như là một thông báo rõ ràng rằng: (Sản phẩm/ dịch vụ) được sản xuất ở một nhà máy/ tổ chức mà hệ thống quản lý của nó được chứng nhận là đang phù hợp với (tiêu chuẩn).

Use of Mark with statement that means this could be a clear statement that "(this product/ services) was manufactured/ supplied in a plant/ organization which management system is certified in conformity with (standard)".

- f. Tuyên bố về chứng nhận của TUV NORD Việt Nam trên bao bì, tài liệu đính kèm sản phẩm không được thực hiện theo cách hàm ý rằng sản phẩm, quá trình hoặc dịch vụ được chứng nhận. Tuyên bố phải bao gồm viện dẫn đến các thông tin sau:

- dấu hiệu nhận biết (ví dụ nhãn hiệu hoặc tên) tổ chức được chứng nhận;
- loại hệ thống quản lý (ví dụ chất lượng, môi trường, năng lượng) và tiêu chuẩn áp dụng;
- tổ chức cấp giấy chứng nhận.

Statement about certification of TUV NORD Vietnam on product package or attached document shall in no way imply that the product, process or service is certified by this means.

- *Identification (e.g. brand or name) of the certified client;*
- *The type of management system (e.g. quality, environment, energy) and the applicable standard*
- *The certification body issuing the certificate.*

- g. Đối với hệ thống quản lý an toàn thực phẩm (FSMS), tổ chức được chứng nhận không được phép sử dụng dấu chứng nhận và bất kỳ tuyên bố về việc chứng nhận hệ thống an toàn thực phẩm nào trên sản phẩm và bao bì sản phẩm (bao gồm cả bao bì sơ cấp có chứa sản phẩm và hay bất kỳ bao bì thứ cấp hoặc vỏ bọc ngoài sản phẩm)

For food safety management systems (FSMS), the certified organization shall not use the certification mark and any statement mentioning food safety system certification on the product and product packaging (including the primary packaging containing the product and or any secondary packaging or outer of the product).

- h. Các phòng thử nghiệm, các tổ chức giám định sẽ KHÔNG được sử dụng dấu chứng nhận trên các báo cáo thử nghiệm/giám định của mình.

Testing laboratories and inspection organizations will NOT use certification marks on their test / inspection reports

- i. Các nhà thầu phụ của tổ chức được chứng nhận không được sử dụng dấu chứng nhận.

The sub-contractors of certified organization are not allowed to use certification mark

7. HỒ SƠ VÀ LƯU TRỮ RECORDS AND RETENTION

Các hồ sơ liên quan đến việc kiểm soát và sử dụng dấu chứng nhận phải được lập, cập nhật và lưu trữ theo quy định kiểm soát hồ sơ của TUV NORD Việt Nam. Hồ sơ có thể bao gồm mẫu dấu được phê duyệt, các phê duyệt/trao đổi liên quan đến việc sử dụng dấu hoặc tuyên bố, bằng chứng giám sát việc sử dụng dấu và hồ sơ xử lý các trường hợp sử dụng không phù hợp.

TUVNORD	QUY ĐỊNH VỀ VIỆC SỬ DỤNG DẤU CHỨNG NHẬN VÀ TUYÊN BỐ VỀ CHỨNG NHẬN CỦA TUV NORD VIỆT NAM RULES FOR USE OF THE CERTIFICATION MARK AND STATEMENT ON CERTIFICATION MARK OF TUV NORD VIETNAM	Doc. No.: TNV-A00MU01
		REV: 12
		Page 8 of 8

Records related to the control and use of the certification mark shall be established, maintained and retained in accordance with TUV NORD Vietnam's document and record control requirements. Records may include approved mark artwork, approvals or correspondence concerning the use of the mark or statements, evidence of monitoring of mark use, and records of actions taken for improper use.

Thời hạn lưu trữ thực hiện theo thời hạn áp dụng đối với từng loại hồ sơ theo quy định quản lý hồ sơ của TUV NORD Việt Nam; trường hợp có yêu cầu pháp luật, yêu cầu công nhận hoặc yêu cầu hợp đồng khác thì áp dụng thời hạn dài hơn.

Retention periods shall follow the applicable period for each type of record under TUV NORD Vietnam's record management requirements; where legal, accreditation or contractual requirements specify a longer period, the longer period shall apply.

8. TÀI LIỆU LIÊN QUAN RELATED DOCUMENTS

- ISO/IEC 17021-1 – Đánh giá sự phù hợp – Yêu cầu đối với tổ chức đánh giá và chứng nhận hệ thống quản lý.
ISO/IEC 17021-1 – Conformity assessment – Requirements for bodies providing audit and certification of management systems.
- ISO 22003-1 – Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm – Yêu cầu đối với tổ chức đánh giá và chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm.
ISO 22003-1 – Food safety management systems – Requirements for bodies providing audit and certification of food safety management systems.
- ISO 50003 – Hệ thống quản lý năng lượng – Yêu cầu đối với tổ chức đánh giá và chứng nhận hệ thống quản lý năng lượng.
ISO 50003 – Energy management systems – Requirements for bodies providing audit and certification of energy management systems.
- ISO/IEC 27006 – Yêu cầu đối với tổ chức đánh giá và chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thông tin.
ISO/IEC 27006 – Requirements for bodies providing audit and certification of information security management systems.
- TNV-A00MU02 – Tài liệu Điều kiện chung cho hoạt động Chứng nhận Hệ thống Quản lý của TUV NORD Việt Nam.
TNV-A00MU02 – General Conditions for the Certification of Management Systems of TUV NORD Vietnam.